48 Câu hỏi đáp pháp luật, tình huống liên quan đến Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (Chương VI văn phòng đại diện nước ngoài, Chương VII các hạn chế bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nhà nước, Chương VIII tài chính, hạch toán, kế toán, Chương IX can thiệp sớm tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Chương X kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng) và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017

# CÂU HỎI

## 1. Xin hỏi, ngân hàng C (thành lập tại Singapore) muốn thành lập thêm một văn phòng đại diện tại Đà Nẵng (bên cạnh văn phòng đại diện đã có tại TP.HCM) có được không?

Điều 132 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chỉ được phép thành lập một văn phòng đại diện.

*Như vậy, theo quy định tại Điều 132 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Ngân hàng C không thể mở thêm văn phòng đại diện tại Đà Nẵng, bởi mỗi tỉnh, thành phố chỉ cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập một văn phòng đại diện.*

## 2. Xin hỏi, ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) A (được thành lập tại Hàn Quốc) muốn cấp tín dụng cho khách hàng X đang là kiểm toán viên tại chính chi nhánh ngân hàng A để đầu tư kinh doanh chứng khoán. Vậy, ngân hàng A có bị hạn chế gì về mức cấp tín dụng trong trường hợp này không?

Theo điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, ngân hàng TMCP A bị hạn chế về mức cấp tín dụng cho khách hàng X như sau:

*Thứ nhất*, ngân hàng A không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho cho khách hàng X vì ông A đang kiểm toán tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài A (theo điểm a, khoản 1 điều 135).

*Thứ hai*, Tổng mức dư nợ cấp tín dụng mà ngân hàng A cấp cho khách hàng X không được vượt quá 05% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (theo khoản 2 điều 135).

*Như vậy*, ngân hàng A sẽ phải tuân thủ các hạn chế về mức tín dụng đối với khách hàng X theo quy định tại Điều 135. Điều này bao gồm việc không được cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc với điều kiện ưu đãi và giới hạn mức dư nợ cấp tín dụng không vượt quá 5% vốn tự có của ngân hàng.

## 3. Xin hỏi, công ty B là công ty con của ngân hàng nước ngoài TMCP C. Công ty B hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Vậy, ngân hàng C có được cấp tín dụng cho công ty B hay không?

Theo khoản 4 điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán là công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng đó.

*Như vậy*, ngân hàng TMCP C có thể cấp tín dụng cho công ty B vì công ty này không hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, theo quy định tại Điều 134. Do đó, ngân hàng không vi phạm các hạn chế khi cấp tín dụng cho công ty con hoạt động trong lĩnh vực bất động sản.

4. Xin hỏi, ông X là cổ đông lớn của ngân hàng TMCP D, đồng thời là chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty Y. Ngân hàng D có được cấp tín dụng cho công ty Y không? Nếu có, mức cấp tín dụng tối đa là bao nhiêu?

Dựa trên các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, cụ thể các Điều 134, 135 và 136, Ngân hàng TMCP D được phép cấp tín dụng cho công ty Y. Do trường hợp của công ty Y không thuộc các đối tượng bị cấm cấp tín dụng theo Điều 134. Cụ thể, mặc dù ông X là cổ đông lớn của ngân hàng D và là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty Y, nhưng ông X không giữ các chức danh bị cấm cấp tín dụng như thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, hay Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng D (Khoản 1 Điều 134). Công ty Y không phải là công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán của ngân hàng D (Khoản 4 Điều 134), và không có thông tin nào cho thấy công ty Y sử dụng cổ phiếu của ngân hàng D hoặc công ty con, công ty liên kết của ngân hàng D làm tài sản bảo đảm (Khoản 5 Điều 134) hay vay vốn để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng (Khoản 6 Điều 134).

Tuy nhiên, mức cấp tín dụng cho công ty Y sẽ bị giới hạn. Do ông X là cổ đông lớn của ngân hàng D và đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty Y, nên theo điểm d khoản 24 điều 4, công ty Y được coi là "người có liên quan" của ngân hàng D. Vì vậy, việc cấp tín dụng sẽ chịu sự điều chỉnh tại khoản 1 Điều 136. Theo đó, từ ngày 01/01/2029, tổng mức dư nợ cấp tín dụng cho riêng công ty Y không được vượt quá 10% vốn tự có của ngân hàng D và tổng mức dư nợ cấp tín dụng cho công ty Y cùng tất cả những người có liên quan khác của ngân hàng D (nếu có) không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng D. Các mốc thời gian trước đó lần lượt là 14% và 23% (từ ngày luật có hiệu lực đến trước 01/01/2026), 13% và 21% (từ 01/01/2026 đến trước 01/01/2027), 12% và 19% (từ 01/01/2027 đến trước 01/01/2028), và 11% và 17% (từ 01/01/2028 đến trước 01/01/2029).

*Như vậy*, ngân hàng TMCP D có thể cấp tín dụng cho công ty Y nhưng phải tuân thủ các giới hạn về mức cấp tín dụng. Từ ngày 01/01/2029, mức cấp tín dụng cho công ty Y không được vượt quá 10% vốn tự có của ngân hàng D và 15% cho công ty Y cùng các bên có liên quan.

5. Xin hỏi, văn phòng đại diện của một ngân hàng nước ngoài tại Hà Nội thực hiện hoạt động môi giới cho vay vốn giữa các doanh nghiệp Việt Nam. Vậy hoạt động này có đúng với quy định của pháp luật không?

Căn cứ theo điều 133 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, văn phòng đại diện nước ngoài được thực hiện các hoạt động sau đây theo nội dung ghi trong Giấy phép bao gồm các hoạt động sau: **(i)** Làm chức năng văn phòng liên lạc; **(ii)** Nghiên cứu thị trường; **(iii)** Xúc tiến dự án đầu tư của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam; **(iv)** Thúc đẩy và theo dõi việc thực hiện hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận ký giữa tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam, dự án do tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tài trợ tại Việt Nam; **(v)** Hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hoạt động môi giới cho vay vốn cho các doanh nghiệp không thuộc các trường hợp trên, do vậy Văn phòng đại diện của ngân hàng nước ngoài tại Hà Nội không có chức năng môi giới cho vay vốn giữa các doanh nghiệp Việt Nam. Hoạt động này vi phạm điều 133 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và các quy định pháp luật liên quan.

*Như vậy*, hoạt động môi giới cho vay vốn giữa các doanh nghiệp không thuộc phạm vi chức năng của văn phòng đại diện theo Điều 133. Do đó, hoạt động này là vi phạm quy định của pháp luật về hoạt động của văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

## 6. Xin hỏi, một ngân hàng TMCP có ý định góp vốn vào một doanh nghiệp bất động sản với tỷ lệ sở hữu dự kiến là 20% có vi phạm quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần không?

Quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng nước ngoài được quy định tại điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng, theo đó khoản 1 điều 137 áp dụng cho trường hợp ngân hàng thương mại góp vốn, mua cổ phần vào doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 111 (bao gồm bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng).

Đồng thời, tại khoản 2 điều 137 áp dụng cho trường hợp ngân hàng thương mại góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, kể cả công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111 (bao gồm bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu).

Trong trường hợp này, doanh nghiệp nhận vốn góp là doanh nghiệp bất động sản, không thuộc bất kỳ lĩnh vực nào được liệt kê trong các khoản trên của Điều 111. Do đó, việc góp vốn này không chịu sự điều chỉnh của các giới hạn được quy định tại Điều 137, ngân hàng thương mại cổ phần có thể góp vốn 20% vào doanh nghiệp bất động sản mà không bị giới hạn bởi tỷ lệ 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp (Khoản 1) hay 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng (Khoản 2).

*Như vậy*, ngân hàng TMCP không vi phạm các giới hạn về góp vốn vào doanh nghiệp bất động sản vì lĩnh vực này không thuộc các ngành nghề hạn chế. Do đó, việc góp vốn 20% vào doanh nghiệp bất động sản là hợp pháp theo quy định tại Điều 137.

## 7. Xin hỏi, một tổ chức tín dụng đang kinh doanh thua lỗ, không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Tổ chức này có được mua, nắm giữ, đầu tư vào bất động sản không?

 Theo quy định tại khoản 1 điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, một tổ chức tín dụng đang kinh doanh thua lỗ và không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu không được phép mua, nắm giữ, đầu tư vào bất động sản.

Theo đó, các tổ chức tín dụng về nguyên tắc không được kinh doanh bất động sản, trừ một số trường hợp ngoại lệ bao gồm: mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu chưa sử dụng hết; hoặc nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ (và phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại trong thời hạn 05 năm).

Trong trường hợp này, tổ chức tín dụng đang gặp khó khăn tài chính, thể hiện qua việc kinh doanh thua lỗ và không đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Việc mua, nắm giữ, đầu tư vào bất động sản không nhằm mục đích làm trụ sở, cho thuê lại hay do xử lý nợ, do đó không thuộc các trường hợp ngoại lệ nêu trên. Hành vi này còn làm tăng thêm rủi ro cho tổ chức tín dụng, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn hoạt động và ảnh hưởng đến quyền lợi của người gửi tiền. Vì vậy, căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, tổ chức tín dụng đang kinh doanh thua lỗ và không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu bị cấm mua, nắm giữ, đầu tư vào bất động sản.

*Như vậy*, tổ chức tín dụng đang thua lỗ và không duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sẽ không được phép mua, nắm giữ, hoặc đầu tư vào bất động sản, trừ các trường hợp ngoại lệ như phục vụ cho trụ sở hoặc xử lý nợ.

## 8. Xin hỏi, một chi nhánh ngân hàng nước ngoài có năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc vào ngày 30/06 năm kế tiếp. Việc quy định năm tài chính như vậy có phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam không?

 Tại khoản 1 điều 149 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 xác định Năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Đây là quy định mang tính bắt buộc, áp dụng thống nhất cho tất cả các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, không có bất kỳ ngoại lệ nào.

Do đó, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có năm tài chính bắt đầu từ 01/07 và kết thúc vào 30/06 năm kế tiếp đã vi phạm quy định nêu trên. Chi nhánh này cần phải điều chỉnh lại kỳ kế toán năm tài chính của mình cho thống nhất với quy định của pháp luật Việt Nam, tức là năm tài chính phải bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 của cùng năm dương lịch. Việc tuân thủ quy định về năm tài chính là cần thiết để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống kế toán, báo cáo tài chính và quản lý giám sát của các cơ quan chức năng.

*Như vậy*, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần phải điều chỉnh năm tài chính của mình để phù hợp với quy định tại Điều 149 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, theo đó năm tài chính phải bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 của cùng năm dương lịch.

## 9. Xin hỏi, ngân hàng TMCP A có số lỗ lũy kế lớn hơn 20% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đồng thời, ngân hàng này cũng vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định trong 03 tháng liên tục. Vậy ngân hàng Nhà nước sẽ có những biện pháp can thiệp sớm nào đối với ngân hàng A? Ngân hàng A cần phải làm gì?

Căn cứ vào điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Ngân hàng TMCP A thuộc diện bị can thiệp sớm do có số lỗ lũy kế vượt quá 15% giá trị vốn điều lệ và các quỹ dự trữ, đồng thời vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (điểm a khoản 1). Do đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ gửi văn bản yêu cầu Ngân hàng A thực hiện các biện pháp can thiệp sớm, bao gồm:

*Thứ nhất*, thực hiện ngay một hoặc một số biện pháp hạn chế theo Điều 157, ví dụ như hạn chế chuyển nhượng tài sản, giảm giới hạn cấp tín dụng, đình chỉ người quản lý, điều hành vi phạm... và Ngân hàng Nhà nước sẽ ấn định cụ thể thời hạn thực hiện (điểm a khoản 2).

*Thứ hai*, yêu cầu Ngân hàng A cập nhật, thực hiện ngay phương án khắc phục đã có theo điều 143 hoặc xây dựng phương án khắc phục mới theo Điều 158, trong đó nêu rõ các hành động cụ thể, lộ trình và thời hạn hoàn thành. Thời hạn này sẽ do Ngân hàng Nhà nước ấn định (điểm b khoản 2). Về phía Ngân hàng A, theo khoản 3 điều 156, ngân hàng này có trách nhiệm thực hiện ngay các yêu cầu, biện pháp hạn chế mà Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra. trường hợp Ngân hàng TMCP A không chấp hành, Ngân hàng Nhà nước sẽ áp dụng thêm các biện pháp hạn chế khác được quy định tại khoản 2 điều 157. Trong trường hợp cần thiết, ngân hàng A phải thực hiện kiểm toán độc lập theo yêu cầu của ngân hàng nhà nước (khoản 4, điều 156).

*Như vậy*, Ngân hàng Nhà nước sẽ thực hiện các biện pháp can thiệp sớm, bao gồm yêu cầu ngân hàng A thực hiện các biện pháp hạn chế hoạt động và xây dựng phương án khắc phục. Ngân hàng A cần tuân thủ các yêu cầu này để cải thiện tình hình tài chính và tránh các biện pháp can thiệp mạnh mẽ hơn từ Ngân hàng Nhà nước.

## 10. Xin hỏi, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài B tại Việt Nam bị rút tiền hàng loạt và đã có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước. Vậy ngân hàng Nhà nước sẽ có những biện pháp can thiệp sớm nào đối với chi nhánh ngân hàng B? Chi nhánh ngân hàng B cần phải làm gì?

 Theo điểm đ khoản 1 điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, việc chi nhánh Ngân hàng nước ngoài B bị rút tiền hàng loạt và đã báo cáo với Ngân hàng Nhà nước là một trong các trường hợp thuộc diện bị can thiệp sớm. Khi đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ có văn bản yêu cầu chi nhánh Ngân hàng B thực hiện các biện pháp can thiệp sớm, theo đó:

Thứ nhất, chi nhánh phải thực hiện ngay một hoặc một số biện pháp hạn chế theo điều 157, ví dụ như hạn chế các hoạt động kinh doanh rủi ro cao, đình chỉ một số hoạt động ngân hàng vi phạm... kèm theo thời hạn thực hiện (điểm a khoản 2).

Thứ hai, chi nhánh ngân hàng B phải cập nhật, thực hiện ngay phương án khắc phục theo điều 143 (nếu đã có) hoặc xây dựng phương án khắc phục theo điều 158 (nếu chưa có) và phải hoàn thành trong thời hạn do Ngân hàng Nhà nước ấn định (điểm c khoản 2). khoản 3 điều 156 cũng quy định rõ, chi nhánh ngân hàng B có trách nhiệm thực hiện ngay các yêu cầu từ phía ngân hàng Nhà nước, nếu không sẽ bị áp dụng thêm các biện pháp hạn chế khác. Ngoài ra, chi nhánh ngân hàng B phải thực hiện kiểm toán độc lập theo yêu cầu trong trường hợp cần thiết (khoản 4, điều 156).

*Như vậy*, Chi nhánh Ngân hàng B sẽ phải thực hiện các biện pháp can thiệp sớm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm hạn chế các hoạt động kinh doanh rủi ro cao, đình chỉ hoạt động vi phạm, và xây dựng hoặc thực hiện phương án khắc phục. Ngân hàng B phải tuân thủ các yêu cầu này trong thời hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định, đồng thời thực hiện kiểm toán độc lập khi cần thiết.

## 11. Xin hỏi, ngân hàng TMCP X có vốn tự có là 1000 tỷ đồng. Vào thời điểm năm 2025, khách hàng A muốn vay số tiền 120 tỷ đồng, và những người có liên quan của khách hàng A cũng đang có tổng dư nợ là 50 tỷ đồng tại ngân hàng X. Theo quy định hiện hành (năm 2024), ngân hàng X có thể cấp khoản vay cho khách hàng A với số tiền 120 tỷ đồng không?

Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng của ngân hàng thương mại không được vượt quá 14% vốn tự có (áp dụng từ khi Luật này có hiệu lực đến trước ngày 01/01/2026). Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 23% vốn tự có (áp dụng từ khi Luật này có hiệu lực đến trước ngày 01/01/2026). Trong trường hợp này, Ngân hàng TMCP X có vốn tự có là 1000 tỷ đồng. Do đó:

* Mức cho vay tối đa đối với một khách hàng là: 14% x 1000 tỷ = 140 tỷ đồng.
* Mức cho vay tối đa đối với một khách hàng và người có liên quan là: 23% x 1000 tỷ = 230 tỷ đồng.

Khách hàng A muốn vay 120 tỷ đồng (< 140 tỷ đồng), khoản vay này thỏa mãn điều kiện về giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng. Tuy nhiên, tổng dư nợ của khách hàng A và những người có liên quan sẽ là: 120 tỷ + 50 tỷ = 170 tỷ đồng (< 230 tỷ đồng). Do đó, khoản vay này cũng thỏa mãn điều kiện về giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan.

*Như vậy*, ngân hàng X có thể cấp khoản vay 120 tỷ đồng cho khách hàng A vì khoản vay này tuân thủ cả hai giới hạn cấp tín dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

## 12. Xin hỏi, ngân hàng TMCP Y có vốn tự có là 5.000 tỷ đồng. Ngân hàng Y dự định góp vốn vào một công ty hoạt động trong lĩnh vực du lịch (không thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111) với tỷ lệ sở hữu 10% vốn điều lệ của công ty du lịch. Đồng thời, ngân hàng Y cũng đang nắm giữ 30% vốn điều lệ của một công ty bảo hiểm (công ty con) và 5% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán. Tổng cộng các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp của ngân hàng là 1950 tỷ đồng. Như vậy việc góp vốn vào công ty du lịch của Ngân hàng Y có vi phạm quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần không?

 Khoản 2 điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, kể cả công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111 của Luật này không được vượt quá 40% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại”. Trong tình huống này, công ty du lịch không thuộc các lĩnh vực quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 điều 111 nên không tính vào tổng mức giới hạn góp vốn, mua cổ phần 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ theo khoản 2, điều 137.

Theo đó, tổng cộng các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp của ngân hàng Y là 1.950 tỷ đồng nhỏ hơn 40% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của ngân hàng (40% x 5.000 tỷ = 2.000 tỷ) Do đó, việc góp vốn thêm vào công ty du lịch vẫn không vượt quá giới hạn 40% theo quy định (khoản đầu tư này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Khoản 2 Điều 137). Như vậy, Việc góp vốn vào công ty du lịch của ngân hàng Y trong trường hợp này không vi phạm quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần.

*Như vậy*, việc Ngân hàng TMCP Y góp vốn vào công ty du lịch không vi phạm quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần vì tổng mức đầu tư của ngân hàng Y vào các doanh nghiệp vẫn dưới 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng, theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

## 13. Xin hỏi, ngân hàng TMCP M đang trong giai đoạn tái cơ cấu và có tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đạt 8,5%. Ngân hàng M có kế hoạch mở rộng mạng lưới hoạt động bằng cách mở thêm 02 chi nhánh mới. Kế hoạch này có phù hợp với quy định của pháp luật không?

 Khoản 2 điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định:”Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây: a) Tỷ lệ khả năng chi trả; b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có; d) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; đ) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác”. Trong đó, điểm b khoản 1 điều 138 xác định tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu bằng tỷ lệ giữa vốn tự có và tổng tài sản, mức độ rủi ro trong hoạt động ngân hàng, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và các loại rủi ro khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

*Như vậy*, Ngân hàng TMCP M có thể mở thêm chi nhánh mới vì tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng hiện đạt 8,5%, vượt mức tối thiểu yêu cầu. Tuy nhiên, ngân hàng cần đảm bảo duy trì các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật khi mở rộng hoạt động.

## 14. Xin hỏi, Ngân hàng TMCP A có được phép xây dựng một tòa nhà mới để làm trụ sở chính không?

Khoản 1 điều 139 quy định về việc tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản, trừ một số trường hợp ngoại lệ. Trong các trường hợp ngoại lệ đó, Khoản 1 cho phép tổ chức tín dụng được: “Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng”.

*Trong tình huống này, Ngân hàng TMCP A muốn xây dựng tòa nhà mới để làm trụ sở chính, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng. Do đó, ngân hàng TMCP A được phép xây dựng tòa nhà mới để làm trụ sở chính theo đúng quy định của pháp luật.*

## 15. Xin hỏi, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài B tại Việt Nam có trách nhiệm gì trong việc đảm bảo an toàn giao dịch điện tử?

Điều 140 quy định: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm an toàn và bảo mật giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”. Điều khoản này nêu rõ trách nhiệm của cả tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc đảm bảo an toàn và bảo mật giao dịch điện tử. Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài B cũng là một pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam, nên phải tuân thủ quy định này.

*Như vậy*, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài B phải có biện pháp cụ thể để đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng, an ninh mạng và phòng chống tội phạm trong các giao dịch điện tử, theo đúng quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và pháp luật về giao dịch điện tử.

## 16. Xin hỏi, công ty X là công ty con của Ngân hàng TMCP Y. Công ty X có được can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng Y không?

Khoản 3 điều 141 quy định công ty kiểm soát không được can thiệp vào tổ chức, hoạt động của công ty con, công ty liên kết, ngoài các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông. Trong trường hợp này, Ngân hàng TMCP Y là công ty kiểm soát (vì có công ty con là công ty X). Do đó, ngân hàng Y không được phép can thiệp vào tổ chức và hoạt động của công ty X.

*Như vậy*, Công ty X không được can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng TMCP Y vì theo quy định tại Điều 141, công ty kiểm soát (ngân hàng Y) không được can thiệp vào tổ chức và hoạt động của công ty con (Công ty X), ngoài các quyền nghĩa vụ của chủ sở hữu.

## 17. Xin hỏi, công ty A là công ty con của Ngân hàng Z. Công ty A có thể mua cổ phần của Ngân hàng Z không?

 Khoản 1 điều 142 quy định: "Công ty con, công ty liên kết của một tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng đó." Trong trường hợp này, Công ty A là công ty con của Ngân hàng Z, nên bị cấm góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng Z.

*Như vậy*, Công ty A không được phép mua cổ phần của Ngân hàng Z, vì theo Điều 142, công ty con của tổ chức tín dụng không được góp vốn hoặc mua cổ phần của tổ chức tín dụng đó.

## 18. Xin hỏi, ngân hàng TMCP M phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp nào? Nội dung chủ yếu của phương án này bao gồm những gì?

 Khoản 1 điều 143 quy định: “Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm”. Khoản 2 điều 143 quy định nội dung chủ yếu của phương án khắc phục phải bao gồm:

(a) Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của ngân hàng;

(b) Thực trạng tài chính và hoạt động của ngân hàng;

(c) Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục từng trường hợp quy định tại khoản 1 điều 156 (các trường hợp bị can thiệp sớm);

(d) Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục.

Thêm vào đó khoản 3 điều 143 quy định rõ hơn về các biện pháp chính tại điểm c khoản 2, bao gồm:

(a) Tăng vốn, thời gian thực hiện và lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần

(b) Cải thiện khả năng thanh khoản, tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao, bán và chuyển nhượng tài sản

(c) Nâng cao hiệu quả hoạt động

(d) Nâng cao năng lực quản trị

(đ) Xử lý các vấn đề tài chính, nợ xấu

(e) Truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản.

*Như vậy*, ngân hàng TMCP M cần xây dựng phương án khắc phục dự kiến khi thuộc diện bị can thiệp sớm, và phương án này phải đầy đủ các nội dung theo khoản 2 và 3 điều 143, bao gồm đánh giá thực trạng, các biện pháp khắc phục cụ thể và lộ trình thực hiện. Phương án này sẽ giúp ngân hàng có kế hoạch rõ ràng để vượt qua khó khăn và đảm bảo an toàn hoạt động. Phương án khắc phục này phải được thông qua trước ngày 01/07/2025 hoặc trong 01 năm kể từ ngày cấp phép thành lập (khoản 7 điều 143)

## 19. Xin hỏi, ngân hàng TMCP A đang sở hữu một tòa nhà văn phòng. Do nhu cầu sử dụng không hết, ngân hàng A cho một công ty luật thuê 02 tầng của tòa nhà này. Hỏi, việc cho thuê này có đúng quy định không?

 Khoản 2 điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây: ... 2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng chưa sử dụng hết;..”. Trong tình huống này, ngân hàng TMCP A đang sở hữu tòa nhà văn phòng (bất động sản) và cho thuê một phần (02 tầng) chưa sử dụng hết. Việc cho thuê này thuộc trường hợp ngoại lệ được phép theo khoản 2 điều 139, do đó không vi phạm quy định cấm tổ chức tín dụng kinh doanh bất động sản.

*Như vậy*, ngân hàng TMCP A được phép cho một công ty luật thuê 02 tầng của tòa nhà văn phòng thuộc sở hữu của mình vì việc này tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

## 20. Xin hỏi, công ty Y là công ty con của Ngân hàng D. Công ty Y muốn mua cổ phần của Ngân hàng D. Vậy việc mua cổ phần này có được phép không?

 Khoản 1 điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Công ty con, công ty liên kết của một tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng đó”. Trong tình huống này, công ty Y là công ty con của ngân hàng D, do đó khoản 1 điều 142 trực tiếp cấm Công ty Y mua cổ phần của Ngân hàng D.

*Như vậy,* Công ty Y không được phép mua cổ phần của Ngân hàng D vì hành vi này vi phạm khoản 1 điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

## 21. Xin hỏi, ngân hàng E vừa được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động vào tháng 02/2024. Vậy ngân hàng E phải xây dựng và thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm trong thời hạn nào?

Khoản 7 điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Phương án khắc phục quy định tại Điều này phải được xây dựng, thông qua trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài”. Ngân hàng E được cấp Giấy phép vào tháng 02/2024 (sau ngày 01/07/2025), do đó thời hạn để xây dựng và thông qua phương án khắc phục là 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép.

*Như vậy*, Ngân hàng E phải hoàn thành việc xây dựng và thông qua phương án khắc phục dự kiến chậm nhất là vào tháng 02/2025 (01 năm kể từ ngày được cấp phép) theo quy định tại khoản 7 điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

## 22. Xin hỏi, ngân hàng TMCP A có vốn điều lệ là 5.000 tỷ đồng, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Ngân hàng A dự định mua một tòa nhà để làm trụ sở chính với giá trị 2.800 tỷ đồng. Việc mua tòa nhà này có phù hợp với quy định của pháp luật không?

 Khoản 3 điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về tỷ lệ tối đa giá trị đầu tư vào tài sản cố định của tổ chức tín dụng. Theo đó, Điểm a, Khoản 3 quy định ngân hàng thương mại không được đầu tư quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán. Trong trường hợp này, vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP A là: 5.000 tỷ + 500 tỷ = 5.500 tỷ đồng. 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP A là: 50% x 5.500 tỷ = 2.750 tỷ đồng.

*Như vậy*, giá trị tòa nhà dự định mua (2.800 tỷ đồng) lớn hơn 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP A (2.750 tỷ đồng). Do vượt quá tỷ lệ cho phép đầu tư vào tài sản cố định theo Điểm a, khoản 3, Điều 144, Ngân hàng TMCP A không được phép mua tòa nhà trị giá 2.800 tỷ đồng để làm trụ sở chính.

## 23. Xin hỏi, quỹ tín dụng nhân dân B có vốn điều lệ là 50 tỷ đồng và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 5 tỷ đồng. Quỹ tín dụng này muốn mua một ô tô trị giá 2 tỷ đồng để phục vụ cho hoạt động của quỹ có đúng quy định không?

 Điểm b khoản 3 điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về tỷ lệ tối đa giá trị đầu tư vào tài sản cố định của tổ chức tín dụng, theo đó, quỹ tín dụng nhân dân không được đầu tư quá 100% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán. Trong trường hợp này, vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân B là: 50 tỷ + 5 tỷ = 55 tỷ đồng. 100% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân B là: 100% x 55 tỷ = 55 tỷ đồng.

*Như vậy*, giá trị ô tô dự định mua (2 tỷ đồng) nhỏ hơn 100% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân B (55 tỷ đồng). Do giá trị ô tô dự định mua để phục vụ cho hoạt động của quỹ nhỏ hơn tỷ lệ cho phép đầu tư vào tài sản cố định theo điểm b khoản 3 điều 144, Quỹ tín dụng nhân dân B được phép mua ô tô trị giá 2 tỷ đồng để phục vụ cho hoạt động của quỹ.

## 24. Xin hỏi, ngân hàng TMCP C ghi nhận khoản lãi phải thu từ một khoản cho vay là 10 tỷ đồng vào doanh thu trong quý I năm 2024. Tuy nhiên, đến cuối quý II năm 2024, khoản lãi này vẫn chưa thu được và ngân hàng đánh giá là không có khả năng thu hồi. Ngân hàng C cần hạch toán khoản lãi phải thu này như thế nào?

 Khoản 3 điều 145 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào doanh thu nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu hồi, xử lý theo quy định của pháp luật; khi thu được thì hạch toán vào doanh thu”. Trong trường hợp này, khoản lãi phải thu 10 tỷ đồng được ghi nhận vào doanh thu quý I năm 2024 nhưng đến cuối quý II năm 2024 (khác kỳ kế toán) vẫn chưa thu được và được đánh giá là không có khả năng thu hồi.

*Do đó,* theo khoản 3 điều 145, Ngân hàng TMCP C phải hạch toán giảm doanh thu 10 tỷ đồng (vì cùng kỳ kế toán) và theo dõi ngoại bảng khoản lãi phải thu này để đôn đốc thu hồi.

##  25. Xin hỏi, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài D tại Việt Nam chi 500 triệu đồng để mua quà tặng cho khách hàng nhân dịp lễ tết. Khoản chi này có được hạch toán vào chi phí hoạt động của chi nhánh không?

 Khoản 2 điều 146 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về nguyên tắc ghi nhận chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, chi phí phải là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh, tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, và có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Tại khoản 1 điều 146 liệt kê các khoản chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó Điểm n có đề cập đến "Chi phí khác".

Việc mua quà tặng cho khách hàng có thể được coi là một khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tuy nhiên, khoản chi này cần phải phục vụ cho mục đích kinh doanh, tạo ra doanh thu cho ngân hàng và phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh.

*Như vậy*, nếu khoản chi 500 triệu đồng để mua quà tặng khách hàng đáp ứng các điều kiện về tính hợp lý, liên quan đến hoạt động kinh doanh, tạo ra doanh thu và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo Khoản 2 Điều 146, thì Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài D có thể hạch toán khoản chi này vào chi phí hoạt động theo Điểm n, Khoản 1, Điều 146. Nếu không đáp ứng đủ các điều kiện trên thì không được hạch toán.

## 26. Xin hỏi, ngân hàng TMCP E trích lập dự phòng rủi ro cho một khoản nợ xấu là 2 tỷ đồng. Sau đó, ngân hàng thu hồi được 1,5 tỷ đồng từ khoản nợ này. Vậy ngân hàng E cần hạch toán khoản tiền thu hồi được như thế nào?

 Khoản 5 điều 147 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được hạch toán vào doanh thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”. Trong trường hợp này, ngân hàng E đã trích lập dự phòng rủi ro 2 tỷ đồng cho khoản nợ xấu, được xem là đã xử lý khoản nợ này bằng dự phòng rủi ro, sau đó ngân hàng thu hồi được 1,5 tỷ đồng từ khoản nợ này. Theo khoản 5 điều 147, Ngân hàng TMCP E phải hạch toán số tiền thu hồi được 1,5 tỷ đồng vào doanh thu của ngân hàng.

## ****Như vậy,**** Ngân hàng TMCP E cần hạch toán số tiền thu hồi được 1,5 tỷ đồng vào doanh thu của ngân hàng, vì khoản thu hồi này là số tiền từ khoản nợ đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro, theo quy định tại khoản 5 điều 147 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

## 27. Xin hỏi, ngân hàng TMCP A có lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 1.000 tỷ đồng. Vốn điều lệ của ngân hàng A là 5.000 tỷ đồng. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hiện tại là 400 tỷ đồng. Năm 2024, ngân hàng A cần trích bao nhiêu tiền từ lợi nhuận sau thuế để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ?

 Điểm a khoản 2 điều 148 quy định: “Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế”. Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng A năm 2024 là 1.000 tỷ đồng, vậy, số tiền cần trích lập là: 10% \* 1.000 tỷ đồng = 100 tỷ đồng.

Điều luật trên cũng quy định: “Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ...”. Hiện tại, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng A là 400 tỷ, cộng thêm 100 tỷ là 500 tỷ đồng, vẫn nhỏ hơn vốn điều lệ (5.000 tỷ đồng) nên việc trích lập là phù hợp. Ngân hàng A cần trích 100 tỷ đồng để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm 2024 theo đúng quy định.

*Như vậy*, Ngân hàng TMCP A cần trích 100 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vì theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 148, tỷ lệ trích lập quỹ là 10% lợi nhuận sau thuế, và việc trích lập này không vượt quá mức vốn điều lệ của ngân hàng.

## 28. Xin hỏi, năm tài chính đầu tiên của Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài B bắt đầu từ ngày 01/04/2024. Hỏi, năm tài chính đầu tiên của Chi nhánh Ngân hàng B sẽ kết thúc vào ngày nào?

 Khoản 2 điều 149 quy định: “Năm tài chính đầu tiên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch”. Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài B được cấp Giấy phép vào ngày 01/04/2024 (cũng là ngày bắt đầu năm tài chính).

*Như vậy*, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31/12/2024 (cùng năm dương lịch). Dù bắt đầu từ 01/04/2024, năm tài chính đầu tiên của chi nhánh Ngân hàng B vẫn kết thúc vào ngày 31/12/2024 theo đúng quy định.

## 29. Xin hỏi, một ngân hàng thương mại cổ phần hạch toán một khoản chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Việc hạch toán này có đúng quy định không?

 Điều 150 quy định: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán”. Đồng thời, khoản 2 điều 151 quy định rằng, hạch toán chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ là vi phạm quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán, thiếu trung thực và không đảm bảo tính chính xác của các khoản chi.

*Như vậy*, ngân hàng TMCP cần tuân thủ chặt chẽ quy định về hạch toán kế toán, đảm bảo mọi khoản chi phí đều có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

## 30. Xin hỏi, Ngân hàng TMCP X là ngân hàng do Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ, sau khi trích lập các quỹ đầy đủ, Hội đồng quản trị quyết định chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt. Vậy quyết định này có đúng quy định không?

 Khoản 3 điều 148 quy định: “Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do Thủ tướng Chính phủ quyết định”. Ngân hàng TMCP X là ngân hàng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (60%). Do đó, Ngân hàng TMCP X được chia cổ tức bằng cổ phiếu theo sự quyết định của Thủ tướng Chính Phủ.

*Như vậy*, việc chia cổ tức bằng tiền mặt của Ngân hàng TMCP X là không đúng với quy định pháp luật.

## 31. Xin hỏi, một ngân hàng thương mại cổ phần tự trích 15% lợi nhuận sau thuế để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Việc trích lập quỹ như vậy có đúng quy định không?

 Điểm a khoản 2 điều 148 quy định: “Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế”. Ngân hàng TMCP đã tự trích 15% lợi nhuận sau thuế để lập quỹ, vượt quá tỷ lệ quy định là 10%.

*Như vậy*, việc trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 15% là không phù hợp với quy định pháp luật. Ngân hàng TMCP cần điều chỉnh lại tỷ lệ trích lập cho phù hợp.

## 32. Xin hỏi, công ty A là một doanh nghiệp nhỏ, muốn được hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số. Vậy mức hỗ trợ tối đa mà Công ty A có thể nhận được là bao nhiêu?

Theo khoản 1 điều 11 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm. Do đó, công ty A có thể nhận được mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng cho mỗi hợp đồng tư vấn chuyển đổi số trong một năm.

*Như vậy*, Công ty A có thể nhận được mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng cho mỗi hợp đồng tư vấn chuyển đổi số trong một năm, theo quy định tại khoản 1 điều 11 Nghị định 80/2021/NĐ-CP.

## 33. Xin hỏi, công ty A là doanh nghiệp nhỏ, muốn thuê dịch vụ tư vấn về quy trình quản trị doanh nghiệp với giá trị hợp đồng là 120 triệu đồng. Công ty A có thể được nhà nước hỗ trợ tối đa bao nhiêu chi phí cho hợp đồng tư vấn này?

 Theo khoản 1 điều 11 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm. Như vậy, mặc dù giá trị hợp đồng tư vấn của Công ty A là 120 triệu đồng, nhưng mức hỗ trợ tối đa mà công ty có thể nhận được là 50% \* 120 triệu = 60 triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định, hạn mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm. Do đó, Công ty A sẽ được hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng cho hợp đồng tư vấn này.

*Như vậy*, Công ty A sẽ được hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng cho hợp đồng tư vấn này, mặc dù giá trị hợp đồng là 120 triệu đồng, vì hạn mức hỗ trợ theo quy định là 50 triệu đồng/hợp đồng/năm.

## 34. Xin hỏi, doanh nghiệp B là doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, ký hợp đồng sử dụng dịch vụ tư vấn về thị trường trị giá 60 triệu đồng. Doanh nghiệp B có thể được hỗ trợ bao nhiêu cho hợp đồng này?

 Căn cứ theo điểm a khoản 2 điều 13 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp. Trong trường hợp này, giá trị hợp đồng tư vấn của doanh nghiệp B là 60 triệu đồng. Do đó, doanh nghiệp B sẽ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng, tương đương với 60 triệu đồng, vì mức hỗ trợ này thấp hơn hạn mức tối đa 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp theo quy định.

***Như vậy*,** Doanh nghiệp B sẽ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng, tức là 60 triệu đồng, vì mức hỗ trợ không vượt quá hạn mức 70 triệu đồng/năm theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 13 Nghị định 80/2021/NĐ-CP.

## 35. Xin hỏi, công ty C là doanh nghiệp vừa, muốn tìm kiếm thông tin về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công ty C có phải trả phí truy cập các thông tin này không?

 Theo khoản 1 điều 12 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn phí truy cập các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin và trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan ngang bộ (theo Điều 2 Luật Tổ chức Chính phủ 2015). Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 12 Nghị định này cũng nêu rõ cổng thông tin do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và kết nối với các bộ, ban ngành. Do đó, Công ty C, là doanh nghiệp vừa, sẽ được miễn phí truy cập các thông tin về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

***Như vậy,*** Công ty C, là doanh nghiệp vừa, sẽ được miễn phí truy cập các thông tin về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, theo quy định tại khoản 1 điều 12 Nghị định 80/2021/NĐ-CP.

## 36. Xin hỏi, Ông D muốn đăng ký trở thành cá nhân tư vấn viên thuộc mạng lưới tư vấn viên của Bộ Công Thương. Ông D cần chuẩn bị hồ sơ đăng ký bao gồm những gì?

 Theo điểm b khoản 1 điều 13 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, hồ sơ đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên đối với cá nhân bao gồm: Đơn đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên; Sơ yếu lý lịch và hồ sơ tóm tắt năng lực; bản sao có chứng thực văn bằng đào tạo; bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ có liên quan được cơ quan có thẩm quyền cấp. Do đó, để đăng ký trở thành cá nhân tư vấn viên, ông D cần chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ nêu trên và nộp cho đơn vị được Bộ Công Thương giao đầu mối tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 13.

***Như vậy*,** Ông D cần chuẩn bị các giấy tờ sau để đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên: Đơn đăng ký tham gia, Sơ yếu lý lịch, hồ sơ tóm tắt năng lực, bản sao có chứng thực văn bằng đào tạo, và các văn bản, giấy tờ có liên quan được cơ quan có thẩm quyền cấp, theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 13 Nghị định 80/2021/NĐ-CP.

## 37. Xin hỏi, Công ty E là một doanh nghiệp nhỏ, muốn mua phần mềm quản lý nhân sự để tự động hóa quy trình quản trị. Chi phí mua phần mềm là 90 triệu đồng. Công ty E có thể được hỗ trợ bao nhiêu chi phí cho việc mua phần mềm này?

Khoản 2 điều 11 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ. Với chi phí mua phần mềm là 90 triệu, công ty E sẽ được hỗ trợ 50% x 90 triệu = 45 triệu đồng. Do đó, căn cứ theo hạn mức không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ, công ty E sẽ được hỗ trợ 45 triệu đồng cho việc mua phần mềm quản lý nhân sự này.

***Như vậy,*** Công ty E sẽ được hỗ trợ 45 triệu đồng cho việc mua phần mềm quản lý nhân sự, vì hỗ trợ tối đa là 50% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ, theo quy định tại khoản 2 điều 11 Nghị định 80/2021/NĐ-CP.

## 38. Xin hỏi, hộ kinh doanh A muốn chuyển đổi thành doanh nghiệp nhỏ và vừa, họ cần chuẩn bị những giấy tờ gì để được tư vấn miễn phí từ Sở Kế hoạch và Đầu tư?

 Theo khoản 2 điều 15 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, hộ kinh doanh A cần chuẩn bị hồ sơ đề nghị tư vấn bao gồm: Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi. Khi có đầy đủ các giấy tờ này và gửi đề nghị tới Sở Kế hoạch và Đầu tư, hộ kinh doanh A được tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp và trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có) theo quy định tại khoản 1 điều 15 của Nghị định này.

*Như vậy*, Hộ kinh doanh A cần chuẩn bị các giấy tờ: Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế, chứng từ nộp lệ phí môn bài, tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi, để được tư vấn miễn phí từ Sở Kế hoạch và Đầu tư, theo quy định tại khoản 2 điều 15 Nghị định 80/2021/NĐ-CP.

## 39. Xin hỏi, doanh nghiệp X được thành lập từ việc chuyển đổi từ một hộ kinh doanh. Doanh nghiệp X có phải nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu không?

Theo điều 16 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Do đó, doanh nghiệp X sẽ không phải nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Việc miễn trừ này là một chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

*Như vậy,* Doanh nghiệp X sẽ không phải nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu, vì doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí này, theo quy định tại điều 16 Nghị định 80/2021/NĐ-CP.Top of FormBottom of Form

## 40. Xin hỏi, doanh nghiệp Y (chuyển đổi từ hộ kinh doanh) tiếp tục kinh doanh ngành nghề có điều kiện mà không thay đổi quy mô. Doanh nghiệp Y cần làm gì để tiếp tục hoạt động hợp pháp?

 Theo điều 17 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô thì gửi đề nghị tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được cấp văn bản liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh. Vì vậy, doanh nghiệp Y cần gửi đề nghị tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (tùy theo ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà doanh nghiệp đang hoạt động) để được cấp văn bản liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh, đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp Y là hợp pháp. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ có trách nhiệm cấp văn bản này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

## 41. Xin hỏi, Doanh nghiệp Z, mới chuyển đổi từ hộ kinh doanh, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 01/01/2023. Doanh nghiệp Z có phải nộp lệ phí môn bài cho năm 2023 không?

 Điều 18 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Doanh nghiệp Z được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 01/01/2023, nên doanh nghiệp Z sẽ được miễn lệ phí môn bài trong 03 năm từ 2023 đến hết năm 2025. Vì vậy, doanh nghiệp Z không phải nộp lệ phí môn bài cho năm 2023.

## 42. Xin hỏi, một doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh muốn được tư vấn về thủ tục hành chính thuế, họ có thể liên hệ cơ quan nào để được hỗ trợ?

 Khoản 2 điều 19 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Tài chính thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán. Do đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa muốn được tư vấn về thủ tục hành chính thuế có thể liên hệ với Sở Tài chính tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh để được tư vấn và hướng dẫn miễn phí trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo khoản 1 của Điều này.

## 43. Xin hỏi, công ty X sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ sáng chế đã được cấp bằng bảo hộ. Công ty X có được coi là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP không?

 Theo khoản 1 điều 20 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ sáng chế. Công ty X sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ sáng chế đã được cấp bằng bảo hộ, do đó, công ty X thuộc đối tượng được xác định là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo tiêu chí này.

## 44. Xin hỏi, doanh nghiệp Y đạt giải thưởng về khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia. Doanh nghiệp này có thể được lựa chọn để hỗ trợ theo phương thức nào?

 Khoản 1 điều 21 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định một trong những phương thức để lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ là lựa chọn các doanh nghiệp có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo. Do đó, doanh nghiệp Y đạt giải thưởng về khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia nên có thể được lựa chọn để hỗ trợ theo phương thức quy định tại khoản 1 điều 21 này.

## 45. Xin hỏi, doanh nghiệp Z muốn thuê mặt bằng tại khu làm việc chung và được hỗ trợ 50% chi phí thuê. Thời gian hỗ trợ tối đa mà doanh nghiệp Z có thể nhận được là bao lâu?

 Điểm b khoản 1 điều 22 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp và thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng. Vì vậy, doanh nghiệp Z có thể được hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng tại khu làm việc chung, và thời gian hỗ trợ tối đa mà doanh nghiệp Z có thể nhận được là 03 năm.

## 46. Xin hỏi, một nhóm gồm 15 doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực sản xuất đồ gỗ tại tỉnh Bình Dương, có hợp đồng mua bán, hợp tác với nhau. Nhóm doanh nghiệp này có đủ điều kiện xác định là một cụm liên kết ngành không?

 Điều 23 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định về tiêu chí xác định cụm liên kết ngành, bao gồm: a) Có các doanh nghiệp liên kết sản xuất, kinh doanh trong cùng ngành, lĩnh vực...; b) Có tối thiểu 10 doanh nghiệp cùng hợp tác và cạnh tranh trong một địa giới hành chính xác định; c) Có sự tham gia của các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp. Trong trường hợp này, nhóm 15 doanh nghiệp tại Bình Dương cùng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất đồ gỗ và có hợp đồng mua bán, hợp tác với nhau, thỏa mãn các tiêu chí nêu tại điểm a và b khoản 1 điều luật trên. Như vậy, để được xác định là cụm liên kết ngành, nhóm doanh nghiệp này cần có thêm sự tham gia của các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp như các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, tổ chức hiệp hội và tổ chức liên quan khác (theo điểm c khoản 1 điều 23).

## 47. Xin hỏi, doanh nghiệp A là doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị, có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp đầu chuỗi B. Doanh nghiệp A có thể được hỗ trợ những nội dung gì khi tham gia chuỗi giá trị?

 Điều 25 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định về nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Theo đó, doanh nghiệp A có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp đầu chuỗi (đáp ứng tiêu chí tại điểm b khoản 2 Điều 24), có thể được hỗ trợ các nội dung như: đào tạo (khoản 1); nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh (khoản 2); thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường (khoản 3); tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng (khoản 4); thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng (khoản 5). Như vậy, doanh nghiệp A có thể được hỗ trợ các nội dung trên tùy vào nhu cầu và sự đáp ứng các điều kiện cụ thể.

## 48. Xin hỏi, doanh nghiệp M là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, vay vốn 1 tỷ đồng tại ngân hàng thương mại để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp này có thể được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất là bao nhiêu?

 Theo khoản 1 điều 27 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù cho các khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thông qua các tổ chức tín dụng là 2%/năm. Doanh nghiệp M là doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo nên sẽ được hỗ trợ lãi suất theo quy định này. Như vậy, với khoản vay 1 tỷ đồng, doanh nghiệp M có thể được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm, tương đương 20 triệu đồng mỗi năm. Tuy nhiên, việc hỗ trợ cụ thể còn phụ thuộc vào việc doanh nghiệp M có đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại điều 26 và quyết định cho vay của tổ chức tín dụng (khoản 3 điều 26).

II. TIỂU PHẨM

Vòng Xoáy Tín Dụng

## Nhân vật:

Ông Nguyễn Văn Thành: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Ánh Dương (Ngân hàng Ánh Dương)

Bà Nguyễn Thị Mai: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Ánh Dương, con gái ông Thành

Ông Trần Văn Minh: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc Sao Mai (Công ty Sao Mai)

Bà Lê Thị Hoa: Kế toán trưởng Ngân hàng Ánh Dương

Ông Phạm Văn Tuấn: Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập Sao Việt (Công ty Kiểm toán Sao Việt) - đơn vị kiểm toán cho Ngân hàng Ánh Dương

Bà Nguyễn Thu Hà: Chuyên viên thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)

Ông Đỗ Quang Huy: Phó phòng Thanh tra NHNN, thành viên đoàn thanh tra.

## Bối cảnh:

Ngân hàng Ánh Dương là một ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô trung bình, đang trong giai đoạn phát triển mạnh. Tuy nhiên, gần đây, ngân hàng gặp một số khó khăn về thanh khoản do nợ xấu tăng cao. Công ty Sao Mai là một doanh nghiệp bất động sản lớn, đang triển khai nhiều dự án tiềm năng nhưng cũng gặp khó khăn về dòng tiền.

## Diễn biến:

*Tại phòng họp sang trọng của Ngân hàng Ánh Dương, ông Thành đang trao đổi với ông Minh.*

Ông Thành: “Anh Minh, tôi biết Sao Mai đang cần vốn cho dự án Khu đô thị Vịnh Xanh. Ánh Dương sẵn sàng đồng hành cùng anh.”

Ông Minh: “Cảm ơn ông Thành. Dự án này rất tiềm năng, nhưng chúng tôi đang gặp chút khó khăn về vốn. Nếu Ánh Dương hỗ trợ được thì tốt quá.”

Ông Thành: (*Cười*) “Chúng ta là đối tác lâu năm, tôi luôn tin tưởng vào năng lực của Sao Mai. Tuy nhiên, anh cũng biết, dạo này NHNN siết chặt quản lý tín dụng, thủ tục cũng phức tạp hơn.”

Ông Minh: “Tôi hiểu. Ông cứ nói xem Ánh Dương có thể hỗ trợ được bao nhiêu?”

Ông Thành: “Tôi đã trao đổi với Mai. Trước mắt, Ánh Dương có thể thu xếp cho Sao Mai vay 500 tỷ đồng, sau đó có thể xem xét thêm tùy vào tiến độ dự án.”

Ông Minh: “Tuyệt vời! 500 tỷ là rất tốt rồi. Vậy thủ tục thế nào?”

Ông Thành: “Anh cứ yên tâm, tôi sẽ chỉ đạo Mai lo liệu. Về tài sản đảm bảo, anh dùng cổ phiếu của Sao Mai thế chấp được không?”

Ông Minh: (*Ngập ngừng*) “Cổ phiếu Sao Mai à? Để tôi suy nghĩ thêm. Nhưng tôi có thể đảm bảo bằng một số lô đất đẹp trong dự án.”

Ông Thành: “Được, cái đó cũng tốt. Mà anh Minh này, Sao Mai đang sở hữu bao nhiêu phần trăm vốn điều lệ của Ánh Dương rồi nhỉ?”

Ông Minh: "Hiện tại là 12%, thưa ông."

Ông Thành: (Suy nghĩ) "Hơi cao nhỉ. Theo quy định mới thì không được vượt quá..." (Tạo không gian để đoạn đối thoại có thêm chút căng thẳng khi ông Thành nghĩ đến việc vi phạm quy định mà vẫn tiếp tục thảo luận.)

*(Ông Thành chưa kịp nói hết thì Bà Mai bước vào phòng)*

Bà Mai: “Bố, anh Minh. Con chào hai người.”

Ông Thành: “À, Mai đấy à. Con vào đây bố bảo.”

Ông Minh: “Chào cô Mai. Lâu rồi mới gặp.”

Bà Mai: “Dạ, em chào anh. Bố, anh Minh đang bàn về khoản vay cho dự án Vịnh Xanh ạ?”

Ông Thành: “Đúng rồi. Con xem thế nào, thu xếp cho anh Minh vay 500 tỷ nhé.”

Bà Mai: “Vâng, con sẽ chỉ đạo các bộ phận liên quan triển khai. Anh Minh, anh cứ chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, bên em sẽ thẩm định và giải ngân nhanh chóng.”

Ông Minh: “Cảm ơn cô Mai, cảm ơn ông Thành.”

*(Tại phòng làm việc của bà Mai, Bà Mai trao đổi với bà Hoa – Kế toán trưởng)*

Bà Mai: “Chị Hoa, khoản vay của Sao Mai đã giải ngân chưa?”

Bà Hoa: “Dạ thưa Tổng Giám đốc, hồ sơ đang được thẩm định. Tuy nhiên, em thấy có một số vấn đề cần lưu ý. Thứ nhất, tài sản đảm bảo là các lô đất trong dự án Vịnh Xanh chưa đầy đủ pháp lý, định giá cũng khá cao so với thị trường. Thứ hai, Sao Mai đang sở hữu trên 10% vốn điều lệ của ngân hàng ta, theo Luật Các tổ chức tín dụng thì không được cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc cấp với điều kiện ưu đãi.”

Bà Mai: “Chị cứ yên tâm. Về tài sản đảm bảo, tôi đã có cách xử lý. Còn về tỷ lệ sở hữu vốn, Sao Mai đã có kế hoạch chuyển nhượng bớt cho một bên thứ ba. Cái này chỉ là tạm thời.”

Bà Hoa: 'Dạ thưa Tổng, hồ sơ đang được thẩm định. Tuy nhiên, em thấy có một số vấn đề cần lưu ý. Thứ nhất, tài sản đảm bảo là các lô đất trong dự án Vịnh Xanh chưa đầy đủ pháp lý, định giá cũng khá cao so với thị trường. Thứ hai, Sao Mai đang sở hữu trên 10% vốn điều lệ của ngân hàng ta, theo Luật Các tổ chức tín dụng thì không được cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc cấp với điều kiện ưu đãi.'"

Bà Mai: “Chị Hoa! Chị đừng quên Sao Mai là khách hàng chiến lược của chúng ta. Hơn nữa, anh Minh cũng là chỗ quen biết của bố tôi. Chị cứ làm theo chỉ đạo của tôi, mọi vấn đề tôi sẽ chịu trách nhiệm.”

Bà Hoa: *(Thở dài)* “Dạ, em biết rồi.”

*(Một năm sau)*

Công ty Sao Mai gặp khó khăn trong việc triển khai dự án Vịnh Xanh do thị trường bất động sản trầm lắng. Khoản vay 500 tỷ đồng tại Ngân hàng Ánh Dương đến hạn nhưng Sao Mai không có khả năng trả nợ. Ngân hàng Ánh Dương đứng trước nguy cơ mất vốn.

Bà Mai: “Chị Hoa, tình hình khoản vay của Sao Mai thế nào rồi?”

Bà Hoa: “Dạ thưa Tổng, rất xấu ạ. Sao Mai xin gia hạn nợ nhưng em e là không khả thi. Tài sản đảm bảo cũng khó thanh lý.”

Bà Mai: *(Lo lắng)* “Chết rồi. Phải tìm cách thôi. Chị xem có cách nào đảo nợ không? Chuyển sang cho công ty con của Sao Mai đứng tên vay được không?”

Bà Hoa: “Thưa Tổng, Công ty TNHH Minh Anh - công ty con của Sao Mai hiện cũng đang vay của ngân hàng ta 200 tỷ. Tổng dư nợ của Sao Mai và các công ty con đã vượt quá giới hạn 15% vốn tự có. Hơn nữa, theo Điều 134, ngân hàng không được cấp tín dụng cho doanh nghiệp mà bố của Tổng giám đốc đang sở hữu trên 10% vốn điều lệ (tức là ông Thành đang là cổ đông lớn của Sao Mai). Chưa kể, Minh Anh lại là công ty do ông Minh trực tiếp điều hành. Việc đảo nợ như vậy là vi phạm Luật Các tổ chức tín dụng.”

Bà Mai: *(Bực bội)* “Luật với chả lệ! Chị cứ tìm cách đi, không thể để khoản vay này thành nợ xấu được. Mà thôi, chị sắp xếp hồ sơ đi, tôi sẽ trực tiếp làm việc với ông Minh, dùng các biện pháp nghiệp vụ khác để hỗ trợ cho ông Minh và các công ty có liên quan của ổng."

*(Công ty Kiểm toán Sao Việt đang tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng Ánh Dương. Ông Tuấn đang xem xét hồ sơ các khoản vay lớn.)*

Ông Tuấn: 'Bà Hoa, khoản vay của Sao Mai và Minh Anh có vấn đề rồi. Dấu hiệu đảo nợ rất rõ ràng, vi phạm các quy định về hạn chế cấp tín dụng, không những Sao Mai là cổ đông lớn của Ánh Dương, Minh Anh cũng là công ty do ông Minh làm chủ, không được cấp tín dụng. Hơn nữa, tài sản đảm bảo không đủ điều kiện, định giá có dấu hiệu thổi phồng.'"

*(Tại phòng làm việc của bà Mai)*

Ông Tuấn: “Thưa bà Mai, qua kiểm toán, chúng tôi phát hiện một số vấn đề nghiêm trọng liên quan đến khoản vay của Sao Mai và Minh Anh. Bà có thể giải thích rõ hơn về việc này?”

Bà Mai: *(Khó chịu)* “Các anh kiểm toán cứ làm quá lên. Khoản vay đó đã được HĐQT thông qua, tài sản đảm bảo đầy đủ, có vấn đề gì đâu?”

Ông Tuấn: “Nhưng thưa bà, việc cấp tín dụng cho Sao Mai và công ty con của họ là Minh Anh vi phạm các quy định về hạn chế cấp tín dụng và tiềm ẩn rủi ro rất lớn. Nếu không được xử lý kịp thời, ngân hàng có thể gặp hậu quả nghiêm trọng.”

Bà Mai: *(Cáu gắt)* “Tôi đã bảo không có vấn đề gì rồi mà! Các anh cứ làm theo đúng quy trình kiểm toán là được, đừng can thiệp quá sâu vào hoạt động của ngân hàng.”

*(Vài tháng sau, Đoàn thanh tra của NHNN tiến hành thanh tra Ngân hàng Ánh Dương. Bà Hà và ông Huy đang làm việc với bà Hoa)*

Bà Hà: “Chị Hoa, chúng tôi đã nghiên cứu báo cáo kiểm toán của Sao Việt và hồ sơ các khoản vay. Có rất nhiều dấu hiệu vi phạm quy định về cấp tín dụng, đặc biệt là khoản vay của Sao Mai. Chị hãy cung cấp cho chúng tôi toàn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm cả biên bản họp HĐQT, các văn bản chỉ đạo của Tổng Giám đốc và các giao dịch nội bộ.”

Bà Hoa: *(Lo lắng)* “Dạ, em sẽ cung cấp đầy đủ ạ.”

*(Sau khi xem xét kỹ lưỡng hồ sơ, bà Hà và ông Huy trao đổi)*

Bà Hà: “Rõ ràng rồi. Ngân hàng Ánh Dương đã vi phạm nghiêm trọng Luật Các tổ chức tín dụng. Họ đã cấp tín dụng vượt giới hạn, cấp cho cả những đối tượng không được cấp, đảo nợ, định giá tài sản đảm bảo không đúng thực tế. Không những vậy, ngân hàng còn cấp tín dụng cho Sao Mai và Minh Anh, khi Sao Mai đang là cổ đông lớn, sở hữu 12% cổ phần của Ánh Dương, còn ông Minh - chủ tịch Sao Mai cũng đồng thời là chủ của Minh Anh.”

Ông Huy: “Chưa kể, việc ông Thành, Chủ tịch HĐQT Ánh Dương đồng thời lại là cổ đông lớn của Sao Mai, còn bà Mai là con gái ông Thành, như vậy việc cấp tín dụng này vi phạm điều 134 rồi. Mức độ vi phạm rất nghiêm trọng. Cần phải xử lý nghiêm minh.”

*(Tại cuộc họp của Đoàn thanh tra với HĐQT Ngân hàng Ánh Dương)*

Bà Hà: “Qua thanh tra, chúng tôi kết luận Ngân hàng Ánh Dương đã vi phạm nghiêm trọng Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng. Cụ thể, ngân hàng đã vi phạm các Điều 134, 135 và 136 về những trường hợp không được cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng và giới hạn cấp tín dụng. Khoản vay của Sao Mai và Minh Anh phải được thu hồi ngay lập tức. Ngân hàng phải trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ. Các cá nhân liên quan, bao gồm ông Thành, bà Mai và bà Hoa phải chịu trách nhiệm về những sai phạm này.”

Ông Thành: *(Hoang mang)* “Tôi… tôi xin nhận trách nhiệm. Tôi đã quá tin tưởng vào đối tác mà thiếu giám sát chặt chẽ hoạt động của ngân hàng.”

Bà Mai: *(Cúi đầu)* “Tôi… tôi đã sai rồi.”

*(Kết luận của thanh tra NHNN được công bố. Ngân hàng Ánh Dương bị xử phạt nặng nề, buộc phải tái cơ cấu, thu hồi các khoản vay sai phạm. Ông Thành, bà Mai bị cách chức, buộc phải bồi thường thiệt hại. Bà Hoa bị kỷ luật).*